

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Số: 150 /QĐ-ĐHSPTDTHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Chương trình giáo dục đại học ngành Giáo dục Thể chất,
trình độ Đại học(hệ Chính quy)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TĐTT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ trường Đại học, quy định trách nhiệm, quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Quyết định số 83/2003/QĐ-TTg ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSPTDTH Hà Tây (nay là Trường ĐHSPTDTH Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Chương trình giáo dục đại học cho đối tượng đào tạo trình độ Đại học (hệ chính quy) ngành Giáo dục Thể chất.

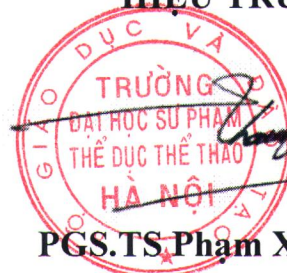
Điều 2. Chương trình được áp dụng từ năm học 2016– 2017, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Bộ môn, các Phòng Ban chức năng trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi gửi:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo)
- Các phòng ban, bộ môn (để thực hiện)
- Lưu: ĐT, HC-TH

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Xuân Thành

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 150/QĐ-ĐHSPTDTHN, ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội).

Tên chương trình: Đào tạo giáo viên Thể dục Thể thao

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục Thể chất (Physical Education)

Mã ngành: 52140206

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo đại học ngành GDTC nhằm trang bị cho người học:

- Các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, về ngoại ngữ, tin học;
- Các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thể dục thể thao ở bậc đại học;
- Các kiến thức cơ bản và cập nhật về khoa học giáo dục và sư phạm.

1.2. Về kỹ năng

Chương trình nhằm mục đích giúp cho người học có được:

- Kỹ năng sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành công việc chuyên môn về Thể dục Thể thao và dạy học môn Thể dục ở trường phổ thông;
- Kỹ năng tự học và học tập suốt đời;
- Khả năng tư duy sáng tạo, cách tiếp cận khoa học để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành học;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;
- Kỹ năng tìm kiếm và tự tạo việc làm.

1.3. Về năng lực

Sau khi học xong chương trình, người học có thể:

- Làm công tác giảng dạy tại các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề;
- Tiếp tục học lên ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ.

1.4. Về thái độ

Chương trình nhằm hình thành ở người học:

- Phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo;
- Yêu nghề, nhiệt tình trong công tác;
- Ý thức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa học (Tính bằng đơn vị học trình):

- 186 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung về GDQP (165 tiết)

4. Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT.

6. Thang điểm: 10 điểm

7. Nội dung chương trình:

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: (15 Tiết/đvht) 32 ĐVHT

A. Khoa học xã hội và Nhân văn: 20 đvht

STT	MÔN HỌC	SỐ HỌC TRÌNH	MÃ HỌC PHẦN
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	8 đvht	521401
2	Tiếng việt thực hành	2 đvht	521402
3	Pháp luật đại cương	1 đvht	521403
4	Quản lý hành chính nhà nước	2 đvht	521404
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3 đvht	521405
6	Logic học	2 đvht	521406
7	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2 đvht	521407

B. Toán khoa học tự nhiên: 2 đvht

1	Tin học đại cương	2 đvht	521408
---	-------------------	--------	--------

C. Ngoại ngữ: 10 đvht

1	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	10 đvht	521409
---	-----------------------	---------	--------

D. Giáo dục quốc phòng:

1	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	
---	---------------------	----------	--

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGÀNH: 154 đvht

STT	MÔN HỌC	SỐ HỌC TRÌNH	MÃ HỌC PHẦN
A	Các học phần cơ sở ngành	49 ĐVHT	
1	Âm nhạc	2 đvht	521410

2	Giải phẫu người		4 đvht	521411
3	Vệ sinh học đường		2 đvht	521412
4	Tâm lý học (đại cương + LT&SP)		3 đvht	521413
5	Tâm lý học TĐTT		2 đvht	521414
6	Sinh lý người		2 đvht	521415
7	Sinh lý học TĐTT		3 đvht	521416
8	Công tác đoàn đội		3 đvht	521417
9	Giáo dục học đại cương		2 đvht	521418
10	Giáo dục học TĐTT		2 đvht	521419
11	Phương pháp Nghiên cứu khoa học TĐTT		2 đvht	521420
12	Sinh hóa TĐTT		2 đvht	521421
13	Phương pháp thống kê trong TĐTT		2 đvht	521422
14	Giao tiếp sư phạm		2 đvht	521423
15	Lí luận & phương pháp Giáo dục Thể chất		5 đvht	521424
16	Lí luận & phương pháp TĐTT trường học		2 đvht	521425
17	Y học TĐTT		3 đvht	521426
18	Đo lường thể thao		2 đvht	521427
19	Quản lý Thể dục thể thao		2 đvht	521428
20	Rèn luyện NVSP		2 đvht	521429
B	Các học phần chuyên ngành và PP giảng dạy		85 ĐVHT	
1	Điền kinh & Phương pháp giảng dạy		12 đvht	521430
2	Thể dục & Phương pháp giảng dạy		10 đvht	521431
3	Cầu lông & Phương pháp giảng dạy		3 đvht	521432
4	Cờ vua & Phương pháp giảng dạy		2 đvht	521433
5	Bóng đá & Phương pháp giảng dạy		3 đvht	521434
6	Bóng bàn & Phương pháp giảng dạy		3 đvht	521435
7	Trò chơi vận động & Phương pháp giảng dạy		2 đvht	521436
8	Bơi lội & Phương pháp giảng dạy		4 đvht	521437
9	Bóng chày & Phương pháp giảng dạy		3 đvht	521438
10	Võ & Phương pháp giảng dạy		2 đvht	521439
11	Đá cầu & Phương pháp giảng dạy		2 đvht	521440
12	Bóng rổ & Phương pháp giảng dạy		3 đvht	521441

13	Bóng ném & Phương pháp giảng dạy	2 đvht	521442
14	Thể dục đồng diễn	2 đvht	521443
15	Quần vợt & Phương pháp giảng dạy	2 đvht	521444
16	Chuyên sâu & Phương pháp huấn luyện	30 đvht	521445
C	Thực tập sư phạm:	10 ĐVHT	
Đợt 1	Thực hành sư phạm (4tiets/tuần x 8 tuần)	2 đvht	521446
Đợt 2	Thực tập sư phạm (08 tuần)	8 đvht	521447
D	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc thi tốt nghiệp)	10 ĐVHT	

8. Mô tả nội dung các học phần:

A. KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN:

1. Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin: (8 đvht)

Nội dung ban hành tại quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: (3 đvht)

Nội dung ban hành tại quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam : (2 đvht)

Nội dung ban hành tại quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Pháp luật đại cương: (1 đvht)

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về pháp luật đại cương, mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp dạy học phần pháp luật.

5. Quản lý hành chính nhà nước: (2 đvht)

Nội dung ban hành tại quyết định số 33/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tiếng việt thực hành: (2 đvht)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết, kỹ năng và năng lực cơ bản trong việc xây dựng ngôn bản, biết phân tích thuật lại và xây dựng một tài liệu khoa học. Rèn luyện cho họ kỹ năng đặt câu, đổi câu và chữa các lỗi câu thông thường. Rèn luyện kỹ năng dùng từ và kỹ năng về chính tả...

Chương trình còn được thực hiện thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng, không rơi vào trình bày lý thuyết ngôn ngữ học và Việt ngữ học. Để đảm bảo hiệu quả thực hành lớp học không nên quá 50 sinh viên.

7. Logic học: (2 đvht)

Học phần giới thiệu cho sinh viên khái niệm về logic học hình thức các qui luật và hình thức cơ bản của tư duy. Qua đó sinh viên được rèn luyện nâng cao tư duy khoa học.

B. TOÁN KHOA HỌC TỰ NHIÊN:

1. Tin học đại cương:

(2 đvht)

Học phần cung cấp một số kiến thức đại cương về Tin học, cách sử dụng các phần mềm hệ thống và tiện ích, đặc biệt là các kỹ năng sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính Excel.

C. Ngoại ngữ (Tiếng Anh):

(10 đvht)

Thời lượng học ngoại ngữ là 10 đvht chỉ quy định cho các đối tượng đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 7 năm của trung học phổ thông. Yêu cầu hết khóa học phải đạt được trình độ trung cấp.

D. Giáo dục quốc phòng:

(165 tiết)

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGÀNH:

A. Các học phần cơ sở ngành

1. Âm nhạc

(2đvht)

Trang bị cho sinh viên kiến thức về nhạc lý cơ bản, tăng cường khả năng về cảm thụ âm nhạc. Góp phần định hướng thẩm mỹ, tiếp cận một loại hình nghệ thuật để tự giáo dục và nâng cao thẩm mỹ.

Có khả năng khai thác năng khiếu ca hát và sử dụng nhạc cụ.

Trang bị cho sinh viên một cách tổng quan nhằm nâng cao khả năng tổ chức và hoạt động văn hóa văn nghệ và đời sống tinh thần trong môi trường đào tạo và môi trường công tác. Ứng dụng một cách hiệu quả trong các môn học chuyên ngành như: Nhịp điệu, đồng diễn, AEROBIC, thể dục tự do, thể dục nghệ thuật, DANCE SPOST, võ thuật, đội hình, đội ngũ, diễu duyệt, nghiệp vụ công tác Đoàn Đội.

2. Giải phẫu người

(4 đvht)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hình thái và cấu tạo cơ thể, đặc biệt là về hình thái và cấu tạo của bộ máy vận động; của một số hệ thống cơ quan liên quan tới việc tiếp thu kiến thức ở các lĩnh vực: sinh lý học TDTT, sinh hóa học TDTT, vệ sinh học, y học TDTT... làm tiền đề cho việc tiếp thu kiến thức khoa học giáp ranh và khoa học chuyên ngành TDTT. Đây cũng là cơ sở cần thiết để tiếp thu kiến thức sinh cơ học thể thao, cũng như cho phân tích kỹ thuật bài tập thể chất.

3. Vệ sinh học đường:

(2 đvht)

Mục đích của chương trình là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có đủ năng lực vận dụng các kiến thức đã học và thực tiễn, biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

4. Tâm lý học:

(3 đvht)

Tâm lý học đại cương: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự

phát triển tâm lý, ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm.

Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về sự phát triển tâm lý người theo các lứa tuổi, các giai đoạn, thời kỳ phát triển tâm lý con người, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lý học sinh THCS. Trình bày các nội dung cơ bản về tâm lý học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và người thầy giáo THCS.

5. Tâm lý học thể dục thể thao: (2 đvht)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất, và các quy luật của hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

6. Sinh lý người: (2 đvht)

Sinh lý học là môn khó học nghiên cứu cơ chế hoạt động biến đổi của cơ thể do ảnh hưởng tác động của môi trường bên ngoài. Việc giảng dạy học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động của cơ thể sống, các quy luật hoạt động của cơ thể sống và các quy luật biến đổi. Nội dung chương trình tập chung vào hai vấn đề:

- Sinh lý các hệ đảm bảo năng lượng cho cơ hoạt động.
- Sinh lý hệ vận động và hệ điều khiển vận động.

7. Sinh lý học TDTT: (3 đvht)

Sinh lý học thể thao là môn khoa học nghiên cứu cơ chế hoạt động biến đổi của cơ thể do ảnh hưởng tác động của môi trường bên ngoài. Việc giảng dạy học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động của cơ thể sống, các quy luật hoạt động của cơ thể sống và các quy luật biến đổi do tác động của luyện tập thể dục thể thao. Nội dung chương trình tập chung vào 3 vấn đề:

- Sinh lý các hệ đảm bảo năng lượng cho cơ hoạt động.
- Sinh lý hệ vận động và hệ điều khiển vận động.
- Sinh lý học thể thao

8. Công tác Đoàn, Đội (3 đvht)

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý luận công tác đoàn đội, làm cơ sở cho năng lực nhận thức trong quá trình vận hành và thực thi nhiệm vụ chuyên môn về công tác đoàn đội. Tiếp nhận một cách cơ bản những nghiệp vụ trong tổ chức công tác đoàn đội và hoạt động phong trào thanh thiếu nhi. Lĩnh hội, thực hành các kỹ năng hoạt động và tổ chức công tác đoàn đội trong nhà trường phổ thông và trên địa bàn dân cư.

9. Giáo dục học đại cương: (2 đvht)

Học phần giúp sinh viên nắm được:

- Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt

- Giáo dục học là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng.
- Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách.
- Mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay.
- Các con đường để thực hiện giáo dục.
- Giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

10. Giáo dục học Thể dục thể thao:

(2đvht)

Học phần trang bị cho sinh viên:

Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TĐTT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TĐTT nói riêng.

Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức- nhân cách cho người tập.

Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tính yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

11. Phương pháp nghiên cứu khoa học TĐTT:

(2đvht)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp NCKH. Qua đó giúp sinh viên bước đầu biết tổ chức và tiến hành nghiên cứu một đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng các phương pháp nghiên cứu thường dùng để thu thập và xử lý một số thông tin cần thiết. Đồng thời biết viết và trình bày một bản báo cáo khoa học theo đúng trình tự quy định; cũng như có khả năng diễn giải vấn đề nghiên cứu của mình tại các hội nghị khoa học.

12. Sinh hóa học Thể dục thể thao:

(2đvht)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, quá trình chuyển hóa các chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hóa các chất và chức năng trong cơ thể. Trên cơ sở nắm vững kiến thức của những môn khoa học đại cương (toán học, vật lý học, sinh học, hóa học...). Môn sinh hóa học thể thao cung cấp cơ sở lý luận cơ bản để giúp sinh viên tiếp thu kiến thức của các môn y sinh liên quan như: vệ sinh, sinh lý học TĐTT, giải phẫu, y học TĐTT... đồng thời góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn của TĐTT như tuyển chọn vận động viên, xác định và đánh giá lượng vận động, kiểm tra trình độ vận động.

13. Phương pháp thống kê trong Thể dục thể thao:

(2đvht)

Trang bị cho sinh viên các phương pháp thu thập và xử lý số liệu trong hoạt động Thể dục thể thao nhằm phục vụ đắc lực cho làm luận văn tốt nghiệp.

Sinh viên phải nắm vững các khái niệm cơ bản về thống kê như: các tham số đặc trưng, cách so sánh hai số trung bình, hai phương sai, hai tỷ lệ, tính tương quan...

Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải biết vận dụng các kiến thức vào học tập và nghiên cứu khoa học.

Rèn luyện cho sinh viên tư duy khoa học, tính hệ thống, logic.

14. Giao tiếp sư phạm:

(2đvht)

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về những tri thức cơ bản, hiện đại của giao tiếp sư phạm bao gồm những kiến thức như:

- Khái niệm, mục đích, vai trò của giao tiếp sư phạm.
- Các giai đoạn giao tiếp sư phạm trong quá trình dạy học và quá trình giáo dục.
- Một số đặc điểm phát triển nhu cầu giao tiếp sư phạm của học sinh THPT.

Hình thành ở sinh viên kỹ năng giao tiếp sư phạm và các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm vào công tác giảng dạy và giáo dục. Trên cơ sở đó hình thành các năng lực và phẩm chất giao tiếp của người giáo viên.

Tự đánh giá khả năng giao tiếp giữa giáo viên với giáo viên, giáo viên với sinh viên. Bên cạnh đó rèn luyện kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm:

- Kỹ năng định hướng giao tiếp sư phạm
- Kỹ năng điều khiển, điều chỉnh đối tượng giao tiếp.

15. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất: (5đvht)

Nội dung học gồm những kiến thức liên quan đến thực tiễn TDTT (TDTT trong trường học, TDTT sản xuất, TDTT đời sống...). Đây là yêu cầu về kiến thức có tính chất chuyên ngành của Giáo dục thể chất.

Học phân trang bị kiến thức về bản chất của TDTT, về phương pháp tổ chức các quá trình giáo dục thể chất; hình thành kỹ năng vận dụng lý luận- phương pháp vào thực tiễn công tác, hình thành niềm tin và tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên.

16. Lý luận & Phương pháp TDTT trường học: (2đvht)

Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường học là một môn học chuyên ngành về giảng dạy và tổ chức hoạt động Thể dục thể thao trong các trường học

Giảng dạy môn học nhằm mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về tổ chức dạy học về Thể dục thể thao, cũng như phương pháp tổ chức hoạt động Thể dục thể thao nói chung trong hệ thống trường học, hình thành kỹ năng sư phạm Thể dục thể thao xây dựng niềm tin và tình cảm nghề nghiệp cho giáo viên Thể dục thể thao tương lai.

Trang bị hệ thống kiến thức và phương pháp giảng dạy môn học Thể dục thể thao trong các trường học.

Hình thành các kỹ năng sư phạm Thể dục thể thao.

Xây dựng niềm tin và tình cảm nghề nghiệp cho giáo viên TDTT trong tương lai.

17. Y học Thể dục thể thao: (3 đvht)

Học trình trang bị cho sinh viên:

- Kiến thức và phương pháp để bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra.
- Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khỏe, tăng tuổi thọ.
- Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TDTT
- Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có đủ năng lực vận dụng kiến thức y sinh học nói chung, môn y học TDTT nói riêng vào thực tiễn huấn luyện, vận động phong trào để nâng cao thành tích thể thao, tăng cường sức khỏe nhân dân.

18. Đo lường thể thao: (2 đvht)

Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản của TEST, biết đánh giá độ tin cậy của TEST, biết lập TEST.

Biết sơ lược về các phương pháp đo, dụng cụ đo.

Qua đó rèn luyện cho sinh viên tính chính xác, khoa học, có hệ thống, xây dựng quan điểm biện chứng tư duy logic.

19. Quản lý Thể dục thể thao:

(2 đvht)

Quản lý TĐTT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong quản lý TĐTT để nâng cao hiểu biết và vận dụng vào hoạt động tổ chức quản lý các hoạt động TĐTT ở cơ sở và trường học sau khi tốt nghiệp. Trang bị những kiến thức cơ bản và cần thiết về khoa học quản lý nói chung và quản lý trong hoạt động TĐTT để góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo cán bộ khoa học TĐTT.

Sinh viên biết ứng dụng kiến thức vào công tác tổ chức và quản lý các hoạt động TĐTT ở cơ sở và giảng dạy TĐTT trong trường phổ thông. Góp phần hình thành những phẩm chất và bản lĩnh chính trị vững vàng, biết tổ chức và điều hành công việc, trung thực, thẳng thắn, có lối sống lành mạnh, có khả năng đoàn kết, có ý thức kỷ luật cao nói đi đôi với làm.

20. Rèn luyện NVSP:

(2 đvht)

Củng cố cho sinh viên một số kiến thức cơ bản đã được học tập, nghiên cứu nhất là những môn mang tính chất nghiệp vụ như tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp giảng dạy bộ môn nhằm chuẩn bị cho giáo viên phương pháp làm việc có hiệu quả trong đợt thực tập sư phạm tập trung.

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chủ yếu, cần thiết để có thể giúp đỡ cho học sinh, cho Đội TNTP, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, cho phụ huynh về một số vấn đề về giáo dục thanh thiếu niên, giáo dục gia đình với tư cách là nhà giáo dục.

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về phương pháp tự học, tự bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ, tay nghề, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, hình thành cho sinh viên các kỹ năng hoạt động nghề nghiệp phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của người giáo viên ở trường phổ thông, hình thành một số kỹ năng cơ bản về tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục để tham gia hoạt động xã hội có hiệu quả trong xu thế phát triển của giáo dục hiện đại.

Giáo dục cho sinh viên ý thức thường xuyên gắn liền lý luận với thực tế, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, trường sư phạm kết hợp với phổ thông trong quá trình đào tạo.

Hình thành cho sinh viên ý thức rèn luyện tay nghề, biết liên kết các nội dung RLNVSPTX với TTSP để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề. Nâng cao tình cảm nghề nghiệp: yêu nghề, mến trẻ, “Tôn sư, trọng đạo” cho sinh viên.

B. CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY:

1. Điền kinh và phương pháp giảng dạy

(12 đvht)

Trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức và kỹ năng cơ bản và phổ cập nhất về điền kinh, đồng thời bồi dưỡng cho họ phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài. Biết dùng các bài tập của môn điền kinh đã học được để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.

2. Thể dục và phương pháp giảng dạy

(10 đvht)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức khoa học và phương pháp sử dụng các bài tập phát triển thể chất (tay không, có dụng cụ). Ngoài ra, học phần còn góp

phân phát triển các tố chất thể lực cơ bản, rèn luyện các phẩm chất về đạo đức và ý chí cho sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho học tập các môn thể thao khác.

Sau khi học thể dục, sinh viên có năng lực hướng dẫn tập luyện các nội dung thể dục vì mục đích sức khỏe (chủ yếu là các bài tập phát triển chung và các bài tập với các dụng cụ phổ biến) cho các đối tượng tập luyện.

3. Cầu lông và phương pháp giảng dạy (3 đvht)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng nguyên lý và kỹ năng, chiến thuật cơ bản của môn cầu lông, luật thi đấu, cách tổ chức và trọng tài môn cầu lông và phương pháp giảng dạy cầu lông cho học sinh THPT

- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, luật và phương pháp tổ chức thi đấu và giảng dạy môn cầu lông.
- Bồi dưỡng cho sinh viên phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng trở thành hướng dẫn viên cầu lông ở cơ sở khi ra trường.
- Trang bị cho sinh viên những kỹ chiến thuật cơ bản quan trọng của môn cầu lông
- Nắm vững luật thi đấu cầu lông, biết phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông ở cấp cơ sở.

4. Cờ vua & Phương pháp giảng dạy (2đvht)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn cờ vua, về những nguyên lý thực hiện kỹ thuật và phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài cờ vua.

Biết suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ, chiến thuật cơ bản vào thực tiễn thi đấu.

Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học.

5. Bóng đá & Phương pháp giảng dạy (3đvht)

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Vệ sinh Thể dục Thể thao

Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng đá.

Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản của bóng đá.

Hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên để hướng dẫn cho người mới tập.

6. Bóng bàn & Phương pháp giảng dạy (3đvht)

Là một trong những môn cơ bản đối với chuyên ngành giáo dục thể chất nhằm đào tạo sinh viên trở thành những giáo viên, hướng dẫn viên bóng bàn cho các ngành, các trường và các địa phương.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của bóng bàn, nắm được phương pháp tập luyện bóng bàn và luật bóng bàn.

Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản (kỹ thuật đặc trưng nhất).

Biết tổ chức hướng dẫn cho người mới tập môn bóng bàn nắm được luật, tổ chức thi đấu và trọng tài bóng bàn.

7. Trò chơi vận động & Phương pháp giảng dạy (2đvht)

Giúp cho sinh viên nắm được những cơ sở lý luận và phương pháp tiến hành của trò chơi nói chung và trò chơi vận động nói riêng; bồi dưỡng cho sinh viên khả năng vận dụng sáng tác trò chơi vận động và phương pháp vận dụng trò chơi vận động vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

Học phần này còn góp phần giáo dục cho sinh viên lòng yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm trong việc khôi phục, duy trì và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

8. Bơi lội & Phương pháp giảng dạy (4đvht)

Học phần giúp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn bơi lội và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài... của môn thể thao này; nắm vững nguyên lý kỹ thuật bơi, kỹ thuật xuất phát và quay vòng đơn giản, phương pháp dạy bơi ban đầu, trọng tài bơi lội cấp cơ sở, đồng thời biết sơ lược bơi thực dụng; hoàn thiện kỹ thuật một kiểu bơi thể thao, xuất phát trên bục, quay vòng đơn giản và bơi thực dụng; nắm và biết giảng dạy cho người mới học bơi, hướng dẫn hệ thống tập làm quen với nước, biết tổ chức dạy, biết tổ chức thi đấu và làm trọng tài bơi lội cấp cơ sở; biết sử dụng môn bơi lội như một phương tiện nhằm phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho môn thể thao chuyên ngành của mình.

9. Bóng chuyền & Phương pháp giảng dạy (3đvht)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ, chiến thuật cơ bản của môn bóng chuyền, luật thi đấu bóng chuyền mini và người lớn, cách tổ chức và trọng tài, phương pháp dạy bóng chuyền cho học sinh THPT

10. Võ & Phương pháp giảng dạy (2đvht)

Nắm được những cơ sở lý luận, khả năng thực hành, phương pháp giảng dạy huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài và năng lực quản lý câu lạc bộ trong quân chủng.

Biết lập kế hoạch chương trình giảng dạy, huấn luyện những kỹ thuật cơ bản nhất cho môn học

Nắm vững và có khả năng thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản vận dụng các kỹ thuật đó trong thi đấu tự vệ.

11. Đá cầu & Phương pháp giảng dạy (2đvht)

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ, chiến thuật cơ bản của môn đá cầu, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, cách tổ chức và trọng tài một giải đá cầu ở trường phổ thông.

12. Bóng rổ & Phương pháp giảng dạy (3đvht)

Học phần giúp sinh viên:

- Nắm vững những cơ sở lý luận của môn bóng rổ.
- Hình thành một số kỹ thuật động tác cơ bản của bóng rổ, trên cơ sở đó tự tập nâng cao sức khỏe và năng lực chơi bóng rổ cho bản thân.
- Biết cách hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.
- Nắm vững luật, biết làm trọng tài và thi đấu bóng rổ ở cơ sở.

13. Bóng ném & Phương pháp giảng dạy (2 đvht)

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Vệ sinh Thể dục Thể thao.

Đào tạo sinh viên Thể dục Thể thao thành những hướng dẫn viên bóng ném cho các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và trung học phổ thông.

Đòi hỏi người học phải nắm vững được các hiểu biết cơ bản về luật thi đấu bóng ném, có khả năng thị phạm đúng một số kỹ thuật thi đấu cá nhân trong tấn công và phòng thủ, biết và vận dụng các phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài cho đối tượng mới tham gia tập luyện.

14. Thể dục đồng diễn

(2 đvht)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, ý nghĩa và tầm quan trọng của môn thể dục đồng diễn. Bên cạnh đó nâng cao ý nghĩa văn hóa và sức khỏe của thể dục đồng diễn.

Trang bị cho sinh viên những kỹ năng kỹ xảo động tác, đội hình trong đồng diễn thể dục. Phương pháp ra vào sân và cách xác định điểm chuẩn trên sân cũng như phương pháp tổ chức hợp luyện, tổng duyệt một đội hình đồng diễn thể dục.

Trang bị cách biên soạn, nguyên tắc biên soạn, âm nhạc, nền phong và tổ chức huấn luyện trong thể dục đồng diễn.

15. Quần vợt & Phương pháp giảng dạy

(2 đvht)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn quần vợt, tạo điều kiện thi tốt nghiệp ra trường công tác có thể tiếp tục hoạt động môn thể thao này và làm trọng tài quần vợt giải cấp cơ sở.

Rèn luyện một số kỹ năng thực hành cơ bản quan trọng của môn học.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về luật thi đấu, tổ chức và tiến hành giảng dạy ở các cấp cơ sở.

16. Chuyên sâu & Phương pháp giảng dạy

(30 đvht)

Nhằm trang bị các kỹ thuật cơ bản và hệ thống kiến thức của các môn thể thao sở trường, đồng thời bước đầu bồi dưỡng cho họ phương pháp giảng dạy, cách huấn luyện và phương pháp tổ chức trọng tài thi đấu.

Trang bị về kỹ chiến thuật, tâm lý, vệ sinh trong thi đấu

Trang bị kiến thức và những hiểu biết về phương pháp huấn luyện, cách biên soạn tiến trình, kế hoạch huấn luyện các môn thể thao nâng cao theo chu kỳ ngắn, trung bình, dài.

Nắm được các TEST, tiêu chuẩn, cách thức tuyển chọn vận động viên.

C. THỰC TẬP SỰ PHẠM:

1. Thực hành sự phạm:

(2 đvht)

Kiến tập sự phạm (4 tuần) thông qua việc đưa sinh viên về các trường để làm quen với môi trường sự phạm, quan sát và tìm hiểu các yêu cầu đối với người giáo viên TĐTT; qua đó giúp họ có ý thức nghề nghiệp và phương hướng phấn đấu trở thành người giáo viên... Nội dung này được bố trí ở năm học thứ 4.

2. Thực tập nghiệp vụ sự phạm:

(8 đvht)

Thực tập nghiệp vụ sự phạm (8 tuần) được thực hiện vào năm thứ 4 sau khi đã cơ bản hoàn thành các nội dung của chương trình. Mục đích của thực tập nghiệp vụ là áp dụng những nội dung đã được học vào thực tiễn công tác giảng dạy và huấn luyện ở cơ sở, hình thành năng lực nghiệp vụ sự phạm, rèn luyện các phẩm chất nhân cách của người giáo viên tương lai...

Hiệu trưởng xây dựng mục tiêu, nội dung và tiêu chuẩn chi tiết cho việc đánh giá kết quả thực tập của sinh viên.

D. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC THI TỐT NGHIỆP: (10 đvht)

Khóa luận tốt nghiệp: xét những sinh viên có học lực từ loại khá trở lên. Mức độ yêu cầu đối với sinh viên: Hiểu và biết sử dụng những phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản.

Thi tốt nghiệp: Đối với những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận thì phải thi tốt nghiệp theo chương trình quy định.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình khung ngành giáo dục thể chất để thiết kế các chương trình đào tạo cụ thể:

Chương trình khung giáo dục là những quy định nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho từng ngành đào tạo và ứng với từng trình độ đào tạo, từ đó là cơ sở giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại tất cả các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

9.1. Chương trình khung trình độ đại học ngành Giáo dục Thể chất:

Chương trình khung trình độ đại học ngành Giáo dục Thể chất được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình có cấu trúc kiểu đơn ngành (Single Major). Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng của chúng đưa ra tại mục 3 chỉ là những quy định bắt buộc tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định tại các mục 1 và 2, các trường bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng thành chương trình đào tạo cụ thể của trường mình với tổng khối lượng không vượt quá 200 đvht (không kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng).

9.2. Phần kiến thức chuyên ngành:

Thuộc ngành Giáo dục Thể chất có thể được thiết kế theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Giáo dục Thể chất, hoặc theo hướng chuyên ngành. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn 20% kiến thức chung của ngành.

9.3. Về nội dung các học phần:

- Cụ thể và lượng hóa được mục tiêu, yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Yêu cầu sinh viên phải đạt “Tiêu chuẩn đánh giá” do nhà trường xây dựng ở môn theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Giáo dục Thể chất (nếu có) và một số môn trong các môn thể thao còn lại. “Tiêu chuẩn đánh giá” tương đương đẳng cấp vận động viên để phù hợp với ngành nghề đào tạo, và có sự ưu tiên so sánh với các vận động viên cấp I và kiện tướng.
- Nội dung và cấu trúc chương trình của từng học phần thể hiện mục tiêu bồi dưỡng các năng lực cho sinh viên, đặc biệt năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Cân đối giữa lý luận và thực hành.
- Nội dung và thời lượng các học phần giáo dục đại cương, nghiệp vụ sư phạm và lý luận phương pháp giáo dục thể chất theo hướng phù hợp với yêu cầu và thực tiễn đào tạo giáo viên TĐTT trình độ đại học, được quy định riêng cho giáo viên ở từng bậc học.

9.4. Tuyển sinh:

Ngoài quy định chung tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT, thí sinh thi vào học ngành Giáo dục Thể chất phải có năng khiếu TĐTT, cơ thể cân đối, không bị dị tật, dị

hình, có sức khỏe và thể lực tốt để đảm bảo học tập và công tác TDTT lâu dài. Chiều cao tối thiểu đối với nam là 165 cm, nữ là 155cm.

9.5. Phương pháp dạy học.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền với lý thuyết thực hành. Do vậy, việc dành một tỷ lệ lớn quỹ thời gian cho thực hành là sự cần thiết.

Lý thuyết phải gắn liền và giữ vai trò chỉ đạo đối với thực hành. Trong các giờ thực hành ngoài việc giải quyết các yêu cầu về thể lực, kỹ chiến thuật... cho hoạt động chuyên môn về TDTT, cần đặc biệt coi trọng thực hành để hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên.

Tăng cường áp dụng các phương pháp sư phạm tích cực hướng vào việc đặt và giải quyết vấn đề của việc học tập và công tác sau này. Phải thực hiện tiêu chí quan trọng của dạy học là dạy cách học cho sinh viên; trang bị cho họ những phương pháp và kỹ năng cơ bản để tăng cường khả năng tự học và nghiên cứu, có thói quen học tập suốt đời.

Đảm bảo cho sinh viên có đủ tài liệu và phương tiện học tập, khuyến khích việc giảm giờ lý thuyết trên lớp để tăng cường giờ thực hành và tự học cho sinh viên.

Tận dụng tối đa những công cụ và công nghệ dạy học mới.

Giao nhiệm vụ cho sinh viên vào thời gian tự học, nhất là đối với các nội dung hoàn thiện kỹ thuật động tác và nâng cao thành tích ở các môn thể thao.

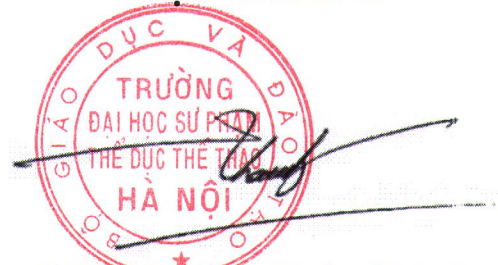
9.6. Thi và kiểm tra

Việc kiểm tra và thi được thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cần cải tiến, nâng cao chất lượng của các phương pháp kiểm tra, đánh giá truyền thống. Tăng cường vận dụng các hình thức trắc nghiệm để nâng cao tính khách quan, tính chính xác và nhịp độ kiểm tra, tạo điều kiện cho sinh viên tự kiểm tra và tham gia đánh giá về kiến thức, kỹ năng, thái độ...

9.7. Quyền hạn và phạm vi ban hành chương trình chi tiết.

Sau khi hoàn thiện việc xây dựng chương trình đào tạo chi tiết ngành Giáo dục thể chất phù hợp trình độ đào tạo của cơ sở mình, Hiệu trưởng các trường đại học ký Quyết định ban hành để triển khai thực hiện trong phạm vi của trường mình.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Xuân Thành

	Tổng cộng	780	52	22	90	10	10	12	10	13	10	30
	B. Kiến thức chuyên ngành											
1	Điện kinh & PP giảng dạy	180	12	3	60	60	60					
2	Thê dục & PP giảng dạy	150	10	3	60	60	30					
3	Cầu lông & PP giảng dạy	45	3	1			45					
4	Cờ vua & PP giảng dạy	30	2	1		30						
5	Bóng đá & PP giảng dạy	45	3	1					45			
6	Bóng bàn & PP giảng dạy	45	3	1					45			
7	Trò chơi VĐ & PP giảng dạy	30	2	1	30							
8	Bơi lội & PP giảng dạy	60	4	1				60				
9	Bóng chuyền & PP giảng dạy	45	3	1				45				
10	Võ & PP giảng dạy	30	2	1						30		
11	Đá cầu & PP giảng dạy	30	2	1							30	
12	Bóng rổ & PP giảng dạy	45	3	1					45			
13	Bóng ném & PP giảng dạy	30	2	1						30		
14	Thê dục đồng diễn	30	2	1						30		
15	Quần vợt & PP giảng dạy	30	2	1								30
16	Chuyên sâu & PP huấn luyện	450	30	6			75	75	75	75	90	60
	Tổng Cộng	1275	85	25	150	150	210	180	210	165	120	90
17	Thực hành sư phạm	32	2	1								8 tuần
18	Thực tập sư phạm	150	8	1								8 tuần
19	Khóa luận TN hoặc thi TN	150	10									*
	Tổng số tiết toàn khóa	2,987	186	59	345	375	345	330	285	345	255	120

*Ghi chú: - Môn: Pháp luật đại cương học chuyên đề thuộc tuần sinh hoạt công dân
- Môn Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm học chuyên đề
- Môn Quản lý hành chính Nhà nước học cấp chứng nhận.



PGS.TS Phạm Xuân Thành

